

## XBL Star 2 ( $\leq 60$ HRC) LN

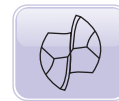
Ball Nose End Mill - Long Neck Series



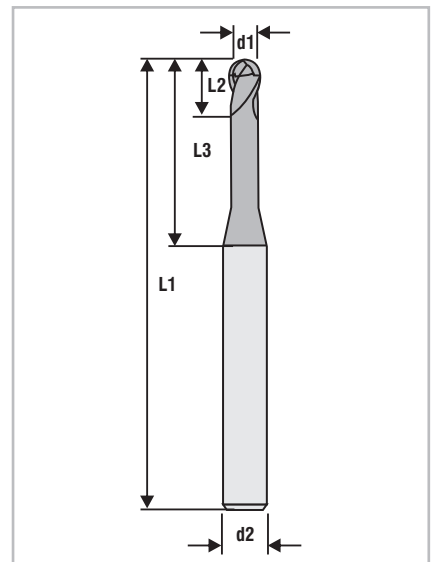
**X**  
**60**  
Series

Article No.	Dimension (mm)					
	2 Flute	$\varnothing d1$ h10	$\varnothing d2$ h6	L2	L3	L1
XBL4-SBM 2010 LN6	R0.50	4	1	6	50	■
XBL4-SBM 2010 LN8	R0.50	4	1	8	50	■
XBL4-SBM 2010 LN10	R0.50	4	1	10	50	■
XBL4-SBM 2010 LN12	R0.50	4	1	12	50	■
XBL4-SBM 2015 LN8	R0.75	4	1.5	8	50	■
XBL4-SBM 2015 LN12	R0.75	4	1.5	12	50	■
XBL4-SBM 2015 LN16	R0.75	4	1.5	16	50	■
XBL4-SBM 2015 LN20	R0.75	4	1.5	20	50	■
XBL4-SBM 2016 LN8	R0.80	4	1.6	8	50	■
XBL4-SBM 2016 LN12	R0.80	4	1.6	12	50	■
XBL4-SBM 2016 LN16	R0.80	4	1.6	16	50	■
XBL4-SBM 2020 LN8	R1.00	4	2.0	8	50	■
XBL4-SBM 2020 LN12	R1.00	4	2.0	12	50	■
XBL4-SBM 2020 LN16	R1.00	4	2.0	16	50	■
XBL4-SBM 2020 LN20	R1.00	4	2.0	20	50	■
XBL6-SBM 2030 LN8	R1.50	6	3.0	8	50	■
XBL6-SBM 2030 LN10	R1.50	6	3.0	10	50	■
XBL6-SBM 2030 LN16	R1.50	6	3.0	16	50	■
XBL6-SBM 2040 LN10	R2.00	6	4.0	10	75	■
XBL6-SBM 2040 LN15	R2.00	6	4.0	15	75	■
XBL6-SBM 2040 LN20	R2.00	6	4.0	20	75	■
XBL6-SBM 2040 LN25	R2.00	6	4.0	25	75	■
XBL6-SBM 2040 LN30	R2.00	6	4.0	30	75	■

Steel	$R_m < 850$	■
	$R_m 850-1300$	■
	$R_m 1300-1500$	■
M	Stainless Steel	■
K	Cast Iron	□
N	Copper	□
S	Titanium	■
Hardened Steel	HRC 48-55	■
	HRC 56-60	■
	HRC >65	□



**BALL**  
End Mills

**Tolerance**

Diameter	Range
$1 \leq d < 8$	0 / -0.02

■ Available ex stock / subject to prior sale  
**SMG** - Super-Fine Micron Grade  
**LN** - Long Neck for deep reach moulds and dies